

NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC

Số: 30/2005/QĐ-NHNN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 1 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH CỦA THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
Về việc ban hành Quy chế làm việc của Ngân hàng Nhà nước

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 12/12/1997; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 17/06/2003;

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 23/2003/NĐ-CP ngày 12/03/2003 của Chính phủ ban hành Quy chế làm việc của Chính phủ;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế làm việc của Ngân hàng Nhà nước".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế các văn bản sau:

- Quyết định số 25/2000/QĐ-NHNN15 ngày 19/01/2000 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế làm việc của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;
- Quyết định số 436/2000/QĐ-NHNN15 ngày 05/10/2000 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế làm việc của Thống đốc

Ngân hàng Nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 25/2000/QĐ-NHNN15 ngày 19/01/2000 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng chịu trách nhiệm đơn đốc, kiểm tra và báo cáo Thống đốc tình hình thực hiện Quy chế làm việc của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 4. Thống đốc, các Phó Thống đốc; Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước; Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

QUY CHẾ LÀM VIỆC CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

*(Ban hành theo Quyết định số 30/2005/QĐ-NHNN ngày 12/01/2005
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)*

Chương I

NGUYÊN TẮC, PHẠM VI VÀ QUAN HỆ PHỐI HỢP GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC

Điều 1. Nguyên tắc giải quyết công việc của Thống đốc

1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (sau đây gọi tắt là Thống đốc) là người đứng đầu và lãnh đạo, điều hành Ngân hàng Nhà nước; chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ, trước Quốc hội về lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng. Thống đốc là đại diện pháp nhân Ngân hàng Nhà nước.

2. Thống đốc chỉ đạo, điều hành công việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và chế độ thủ trưởng. Thống đốc phân công, ủy quyền cho Phó Thống đốc và có thể ủy quyền cho Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước giải quyết một số vấn đề thuộc thẩm quyền của Thống đốc.

3. Khi Thống đốc vắng mặt (đi công tác, nghỉ phép, nghỉ ốm), một Phó Thống đốc được Thống đốc uỷ nhiệm điều hành công tác của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 2. Phạm vi giải quyết công việc và quan hệ công tác của Thống đốc với các Phó Thống đốc

1. Phạm vi giải quyết công việc của Thống đốc

- a) Tổ chức quản lý, chỉ đạo, điều hành hoạt động của Ngân hàng Nhà nước theo các quy định trong Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các văn bản quy phạm pháp luật khác;
- b) Quyết định những vấn đề quan trọng về chủ trương, định hướng, mục tiêu trong chính sách tiền tệ và hoạt động của ngành Ngân hàng; những vấn đề có liên quan đến nhiều lĩnh vực công tác, những vấn đề tuy đã được phân công cho các Phó Thống đốc giải quyết nhưng còn ý kiến khác nhau;
- c) Quyết định trình Chính Phủ, Thủ tướng Chính phủ những vấn đề quan trọng trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng vượt thẩm quyền của Thống đốc;
- d) Quyết định các vấn đề đưa ra thảo luận tại cuộc họp Ban Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước;
- đ) Trực tiếp chỉ đạo công tác tổ chức, cán bộ của Ngành và công tác kiểm soát, kiểm toán nội bộ Ngân hàng Nhà nước ;
- e) Giải quyết những vấn đề mới phát sinh và vượt thẩm quyền giải quyết của các Phó Thống đốc.

2. Quan hệ công tác giữa Thống đốc và các Phó Thống đốc

- a) Thống đốc thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra việc triển khai, thực hiện công việc của các Phó Thống đốc và phối hợp công tác giữa các Phó Thống đốc;
- b) Thống đốc thông tin kịp thời cho các Phó Thống đốc về các chủ trương chính sách, quan điểm của Đảng và Nhà nước liên quan đến lĩnh vực công tác của Ngân hàng Nhà nước và ngành Ngân hàng.

Điều 3. Nguyên tắc giải quyết công việc và nhiệm vụ, quyền hạn của các Phó Thống đốc

1. Mỗi Phó Thống đốc được Thống đốc phân công giải quyết một số công việc và trực tiếp chỉ đạo, phụ trách một số đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước (sau đây gọi là Phó Thống đốc phụ trách khối).

2. Trong phạm vi công việc được phân công, Phó Thống đốc có nhiệm vụ và quyền hạn:

a) Chỉ đạo các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, đề án, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về tiền tệ và hoạt động ngân hàng theo chủ trương, chỉ đạo của Thống đốc;

b) Kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước trong việc thực hiện các quyết định, chỉ đạo của Thống đốc, các chủ trương, chính sách, pháp luật thuộc lĩnh vực mình phụ trách. Nếu phát hiện các đơn vị có những việc làm trái pháp luật, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước thì thay mặt Thống đốc quyết định đình chỉ việc làm sai trái đó, đề ra biện pháp xử lý, đồng thời báo cáo Thống đốc;

c) Xử lý các vấn đề phát sinh vượt quá thẩm quyền giải quyết của Thủ trưởng đơn vị thuộc khối mình phụ trách; xin ý kiến Thống đốc để xử lý những vấn đề về cơ chế, chính sách chưa được pháp luật quy định hoặc những vấn đề quan trọng, vượt quá thẩm quyền giải quyết của mình;

d) Ký thay Thống đốc các văn bản của Ngân hàng Nhà nước trong phạm vi lĩnh vực được phân công và theo sự uỷ quyền của Thống đốc.

3. Phó Thống đốc, khi xử lý công việc thuộc lĩnh vực của mình, nhưng có liên quan đến lĩnh vực do Phó Thống đốc khác phụ trách, thì chủ động phối hợp với Phó Thống đốc đó để giải quyết; trường hợp có ý kiến khác nhau thì báo cáo Thống đốc quyết định;

4. Các Phó Thống đốc được sử dụng quyền hạn của Thống đốc và nhân danh Thống đốc chỉ đạo, giải quyết những công việc thuộc lĩnh vực được phân công; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Thống đốc về kết quả công việc đó;

5. Khi Phó Thống đốc phụ trách khối vắng mặt (đi công tác, nghỉ phép, nghỉ ốm), Thống đốc giải quyết hoặc giao Phó Thống đốc khác giải quyết các công việc đột xuất, cấp bách thuộc lĩnh vực của Phó Thống đốc vắng mặt. Khi Phó Thống đốc phụ trách khối trở lại làm việc, Thống đốc, Phó Thống đốc được giao xử lý thay trao đổi, bàn giao lại công việc cho Phó Thống đốc phụ trách khối, kể cả những công việc chưa xử lý xong.

6. Trường hợp Thống đốc quyết định phân công lại nhiệm vụ của các Phó Thống đốc, thì các Phó Thống đốc bàn giao cho nhau nội dung công việc, hồ sơ, tài liệu liên

quan.

Điều 4. Quan hệ công tác giữa Thống đốc và tổ chức Đảng, tổ chức công đoàn trong ngành Ngân hàng

1. Quan hệ giữa Thống đốc và Ban cán sự Đảng Ngân hàng Nhà nước

Ban cán sự Đảng Ngân hàng Nhà nước lãnh đạo toàn diện hoạt động ngành Ngân hàng; quyết định tập thể các vấn đề liên quan đến chủ trương, chiến lược phát triển và nhân sự của ngành theo Quy chế làm việc của Ban cán sự Đảng ở các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Quy chế làm việc của Ban cán sự Đảng Ngân hàng Nhà nước. Thống đốc chỉ đạo thực hiện các chủ trương, Nghị quyết của Ban cán sự Đảng theo chế độ thủ trưởng.

2. Quan hệ giữa Thống đốc và Đảng ủy Ngân hàng Trung ương

a) Thống đốc họp liên tịch với Thường vụ Đảng ủy Ngân hàng Trung ương mỗi quý một lần, họp với Ban chấp hành Đảng ủy Ngân hàng Trung ương 6 tháng một lần để thông báo về các chủ trương, kế hoạch, tình hình thực hiện công tác chuyên môn và công tác Đảng trong cơ quan, bàn nội dung và biện pháp phối hợp lãnh đạo công tác giáo dục chính trị- tư tưởng, công tác tổ chức - cán bộ, bảo vệ nội bộ, lãnh đạo các đoàn thể chính trị - xã hội trong cơ quan thực hiện các nhiệm vụ chính trị, củng cố mối đoàn kết, nhất trí nội bộ, chăm lo đời sống của cán bộ, công chức trong cơ quan.

b) Thống đốc xin ý kiến Đảng ủy Ngân hàng Trung ương trước khi quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, đánh giá, phân loại cán bộ lãnh đạo cấp Vụ và tương đương của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, lãnh đạo Ngân hàng thương mại nhà nước, doanh nghiệp nhà nước thuộc ngành, Chủ tịch và Tổng giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương;

c) Thống đốc phối hợp chặt chẽ với Đảng ủy Ngân hàng Trung ương chỉ đạo công tác kiểm tra, khen thưởng, kỷ luật cán bộ, công chức là đảng viên thuộc diện Thống đốc quản lý.

3. Quan hệ giữa Thống đốc và tổ chức Công đoàn

a) Thống đốc thông báo cho Công đoàn Ngân hàng Việt Nam về tình hình kinh tế - xã hội, các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và của ngành liên quan trực